



TAN CANG PILOT COMPANY LIMITED

PLANNING TO LEAD THE SHIPS 16/01/2026 (Friday)

TIDE TIME

Water Level	Vung Tau	Cat Lai	Flow
3.4	22:21	01:30	↙
1	06:22	10:00	↗
3.5	14:11	17:45	↙
3	18:55	22:30	↗
3.5	23:10	02:15	↙
0.8	07:02	10:45	↗

No.	Pilot	Arriving ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	Th.Hùng	MCC ANDALAS	8.3	148	9,954	P/s1 - CL3	06:00	//0900, ttx	A3-01
2	Quyển	MANTA 8	3	57	399	P/s1 - TL CL7	05:00		01
3	Đ.Chiến	XIN AN	7.6	172	18,724	P/s3 - BNPH	07:00		A3-TM
4	N.Minh	ANBIEN BAY	9.4	172	17,515	P/s3 - CL7	07:00	//1030	A1-A2
5	Khái	KMTC LAEM CHABANG	8.1	173	18,318	P/s3 - CL1	13:00		A2-A5
6	Đ.Minh	INTERASIA PURSUIT	9.7	170	18,826	P/s3 - CL5	12:30	//1530	A2-A3
7	Đức	PALAWAN	8.4	172	18,491	P/s3 - CL3	13:00	//1600	A3-A6
8	Trung	TRANSIMEX SUN	7.8	147	12,559	H25 - TCHP	14:00	SR	08-12
9	M.Tùng - V.Hải	WAN HAI 363	10.5	204	30,776	P/s3 - CL4-5	17:00	Cano DL, //2000	A1-A6
10	Phú	WAN HAI 293	10.4	175	20,918	P/s3 - CL7	15:00	//1800	A2-A5
11	T.Tùng	JOSCO SHINE	9.2	172	18,885	P/s3 - BNPH	23:00	//0000	A3-A6
12	Giang	TRUONG AN 03	7.1	111	3,640	H25 - CanGio	16:00	SR	
13	H.Trường	KOTA NEBULA	8.8	180	20,902	P/s3 - CL4	19:00	//2200	A1-A6
14	Đ.Long - Thịnh	WAN HAI 360	9.8	204	30,776	P/s3 - BP7	22:00	Thả neo, tăng cường dây	
15	Chương	MAERSK HAI PHONG	9.8	186	32,828	P/s3 - BP6	22:30	Tăng cường dây	
16	Duy	VIET THUAN 09	6.6	80	3,260	H25 - CanGio	12:30	ĐX, SR	
17	Chính	STAR 26	7.1	111	3,640	H25 - CanGio	14:00	ĐX, SR	
No.	Pilot	Cai Mep ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	H.Trường - Q.Hùng	ONE SINGAPORE	12.2	336	140,233	CM3 - P/s3	06:00	MP-3NM- VTX	MR-KS- AWA

2	P.Cần	MORESBY CHIEF	9.4	186	26,971	P/s3 - CM2	10:30	MT	
3	Đ.Long - Thịnh	ONE MACKINAC	11.3	366	153,453	P/s3 - CM3	12:30	MP-3NM-DL	MR-KS-AWA
4	T.Tùng - Chương	COSCO SHIPPING CARNATION	13	366	157,741	CM4 - P/s3	13:00	MP-VTX	A9-A10-STAR 2
5	M.Hải	IRENES RALLY	9.2	186	30,221	P/s3 - CM4	16:00	MP-VTX	A9-A10
6	H.Thanh	BAHARI 6	3	55	646	P/s1 - CM1	20:00		
7	Q.Hung	MORESBY CHIEF	11.5	186	26,971	CM2 - P/s3	20:30	MT	
8	P.Cần	INTERASIA MOTIVATION	8.9	200	26,681	P/s3 - CM2	23:00	MP	MR-KS
No.	Pilot	Departing ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	N.Dũng	SITC MINHE	8.7	146	9,950	CL1 - P/s2	02:00	ttx, LT	A3-01
2	Hồng	GSL AFRICA	9.3	200	27,213	CL3 - P/s3	09:00	LT	A1-A6
3	Tân	SHENG LI JI	10.1	172	18,219	CL7 - P/s3	10:30	LT	A3-TM
4	Vinh	SAWASDEE SPICA	10	172	18,072	CL4 - P/s3	09:30	LT	A1-A6
5	Nghị	WAN HAI 286	9.5	175	20,924	CL1 - P/s3	11:00	LT	A2-A5
6	P.Hung	GH RIVER	9	180	19,279	CL4-5 - P/s3	09:00	LT	A1-A2
7	N.Cường	NEXOE MAERSK	8.9	199	27,733	CL5 - P/s3	15:30	LT	A5-A6
8	A.Tuấn	GREEN PACIFIC	9.5	147	12,545	TCHP - H25	15:30	SR	08-12
9	N.Hiến	MCC ANDALAS	8	148	9,954	CL3 - P/s3	15:30	LT	A3-01
10	Uy	ANBIEN BAY	7.4	172	17,515	CL7 - H25	17:30	SR	A1-A2
11	P.Tuấn	WAN HAI 289	10.5	175	20,899	CL4-5 - P/s3	20:00	LT	A2-A5
12	M.Hùng	MANTA 8	3	57	399	TL CL7 - H25	22:00	SR	01
13	Đăng	HANSA FRESENBURG	9.5	176	18,296	CL4 - P/s3	19:30	Cano DL, LT	A1-A6
14	Chương	STARSHIP MERCURY	9.2	197	27,997	CL5 - P/s3	01:00	Cano DL, LT	A5-A6
15	Kiên	QUANG VINH 189	4.2	120	6,331	CanGio - G3	01:00	ĐX, SR	
16	M.Cường	THÁI HUNG 126	3.3	92	2,984	CanGio - H25	12:00	ĐX, SR	
No.	Pilot	Shifting ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	Đăng	WAN HAI 289	9	175	20,899	BNPH - CL4-5	09:00		A2-A5
2	Quyết	HANSA FRESENBURG	10	176	18,296	BP6 - CL4	09:30		A1-A6